

Thứ	Tiết	A1	A2	A3	A4	B1	B2	B3	C1	C2	C3
Thứ 2	1	Lịch Sử (Huệ)	Tiếng Anh (Trang)	Ngữ Văn (Bình)	GDPĐ (Nga)	Sinh Học (Đức)	Tiếng Anh (Dung)	Địa Lí (Vĩnh)	THI CUỐI KỲ MÔN NGỮ VĂN		
	2	Lịch Sử (Huệ)	Toán (Thư)	Ngữ Văn (Bình)	GDPĐ (Nga)	GDPĐ (Sénh)	Tiếng Anh (Dung)	Sinh Học (Đức)			
	3	GDTC	Toán (Thư)	Vật Lý (Dũng)	Tiếng Anh (Dung)	Ngữ Văn (Quân)	Lịch Sử (Hương)	Sinh Học (Đức)			
	4	SHNT									
	5										
Thứ 3	1	Địa Lí (Vĩnh)	GDKT&PL (Vừ)	Lịch Sử (Hương)	Hóa Học (Nga)	Ngữ Văn (Quân)	Ngữ Văn (Bình)	Sinh Học (Đức)	THI CUỐI KỲ MÔN SỬ-ĐỊA- GDKT&PL		
	2	Địa Lí (Vĩnh)	GDKT&PL (Vừ)	Lịch Sử (Hương)	Hóa Học (Nga)	Ngữ Văn (Quân)	Ngữ Văn (Bình)	Tiếng Anh (Dung)			
	3	Hóa Học (Nga)	Toán (Thư)	Địa Lí (Vĩnh)	GDKT&PL (Vừ)	GDTC (Tâm)	Công Nghệ (Dũng)	Tiếng Anh (Dung)			
	4	Hóa Học (Nga)	Toán (Thư)	Địa Lí (Vĩnh)	Sinh học (Đức)						
	5	Sinh Học (Đức)									
Thứ 4	1	Tiếng Anh (Trang)	KT TIN HỌC		Địa Lí (Vĩnh)	Tiếng Anh (Dung)	Sinh Học (Đức)	GDKT&PL (Vừ)	Lịch Sử (Hương)	Địa Lí (Chính)	Lịch Sử (Huệ)
	2	Vật Lý (Dũng)	Ngữ Văn (Huyền)	GDPĐ (Nga)	Địa Lí (Vĩnh)	Tiếng Anh (Dung)	Sinh Học (Đức)	GDKT&PL (Vừ)	Lịch Sử (Hương)	Địa Lí (Chính)	Lịch Sử (Huệ)
	3	GDPĐ (Nga)	Địa Lí (Vĩnh)	Ngữ Văn (Bình)	Tiếng Anh (Dung)	Vật Lý (Dũng)	GDKT&PL (Vừ)	Sinh Học (Đức)	TC Ngữ Văn (Tập)	Toán (Mạnh)	Địa Lí (Chính)
	4	Vật Lý (Dũng)	Địa Lí (Vĩnh)		Hóa Học (Nga)				TC Ngữ Văn (Tập)	Toán (Mạnh)	Địa Lí (Chính)
	5	Sinh Học (Đức)									
Thứ 5	1	KT HÓA	Ngữ Văn (Huyền)	GDTC (Tâm)	KT HÓA	Tiếng Anh (Dung)	Lịch Sử (Hương)	KT TIN HỌC	Địa Lí (Vĩnh)	Địa Lí (Chính)	GDKT&PL (Vừ)
	2	Lịch Sử (Huệ)	Ngữ Văn (Huyền)	GDTC (Tâm)	Hóa Học (Nga)	Ngữ Văn (Quân)	Tiếng Anh (Dung)	Ngữ Văn (Bình)	Địa Lí (Vĩnh)	Địa Lí (Chính)	GDKT&PL (Vừ)
	3	Lịch Sử (Huệ)	GDPĐ (Nga)	Vật Lý (Dũng)	Ngữ Văn (Bình)	Lịch Sử (Hương)	Địa Lí (Vĩnh)	Tiếng Anh (Dung)	Ngữ Văn (Huyền)	TC Ngữ Văn (Tập)	Địa Lí (Chính)
	4	Vật Lý (Dũng)		Tiếng Anh (Dung)	GDKT&PL (Vừ)	Địa Lí (Vĩnh)	Sinh Học (Đức)		Ngữ Văn (Huyền)	TC Ngữ Văn (Tập)	Địa Lí (Chính)
	5				Sinh học (Đức)						
Thứ 6	1	KT GD ĐP				Vật Lý (Dũng)	GDTC (Tâm)	Ngữ Văn (Bình)	Địa Lí (Vĩnh)	Lịch Sử (Huệ)	GDKT&PL (Vừ)
	2	Hóa Học (Nga)	Công Nghệ (Mạnh)	Lịch Sử (Hương)	Tiếng Anh (Dung)	KT GD ĐP			Địa Lí (Vĩnh)	Lịch Sử (Huệ)	GDKT&PL (Vừ)
	3	Ngữ Văn (Huyền)	Toán (Thư)	Lịch Sử (Hương)	Tiếng Anh (Dung)	Địa Lí (Vĩnh)	Công Nghệ (Dũng)	Ngữ Văn (Bình)	Toán (Long)	GDKT&PL (Vừ)	TC Ngữ Văn (Tập)
	4	Sinh Học (Đức)	Toán (Thư)	Vật Lý (Dũng)	Hóa Học (Nga)	Địa Lí (Vĩnh)			Toán (Long)	GDKT&PL (Vừ)	TC Ngữ Văn (Tập)
	5										
Thứ 7	1	Ngữ Văn (Huyền)	Lịch Sử (Huệ)	Tiếng Anh (Dung)	Ngữ Văn (Bình)	Sinh Học (Đức)	Địa Lí (Vĩnh)	Lịch Sử (Hương)	Toán (Long)	Ngữ Văn (Quân)	Toán (Mạnh)
	2	Ngữ Văn (Huyền)	Lịch Sử (Huệ)	Tiếng Anh (Dung)	Ngữ Văn (Bình)	Sinh Học (Đức)	Địa Lí (Vĩnh)	Lịch Sử (Hương)	Toán (Long)	Ngữ Văn (Quân)	Toán (Mạnh)
	3	Tiếng Anh (Trang)	Ngữ Văn (Huyền)	GDPĐ (Nga)	Lịch Sử (Hương)	Hóa Học (Sénh)	Sinh Học (Đức)	Địa Lí (Vĩnh)	GDKT&PL (Vừ)	Toán (Mạnh)	Ngữ Văn (Quân)
	4	Tiếng Anh (Trang)		Công Nghệ (Long)	Lịch Sử (Hương)			Địa Lí (Vĩnh)	GDKT&PL (Vừ)	Toán (Mạnh)	Ngữ Văn (Quân)
	5										

Thứ	Tiết	A1	A2	A3	A4	B1	B2	B3	C1	C2	C3
Thứ 2	1	GDTC (Tâm)	TỰ HỌC	TỰ HỌC					THI CUỐI KỲ TOÁN		
	2	GDTC (Tâm)									
	3	TỰ HỌC	GDTC (Tâm)							TN HÓA HỌC	
	4		GDTC (Tâm)								
	5										
Thứ 3	1	HĐTN (Nhân)				TỰ HỌC			Địa lý (Vĩnh)	Địa lý (Chính)	
	2								Địa lý (Vĩnh)	Địa lý (Chính)	
	3								TN VẬT LÝ	TN SINH HỌC	Địa lý (Chính)
	4										Địa lý (Chính)
	5										
Thứ 4	1	TỰ HỌC			GDTC (Tâm)	TỰ HỌC			TN LỊCH SỬ		
	2				GDTC (Tâm)						
	3					GDTC (Tâm)	TỰ HỌC		TN GDKT&PL		
	4					GDTC (Tâm)					
	5										
Thứ 5	1	TỰ HỌC							Ngữ Văn (Huyền)	Toán (Mạnh)	Ngữ văn (Quân)
	2								Ngữ Văn (Huyền)	Toán (Mạnh)	Ngữ văn (Quân)
	3								Ngữ Văn (Huyền)	Toán (Mạnh)	Ngữ văn (Quân)
	4										
	5										
Thứ 6	1	TỰ HỌC							Toán (Long)	Ngữ Văn (Quân)	Toán (Mạnh)
	2								Toán (Long)	Ngữ Văn (Quân)	Toán (Mạnh)
	3								Toán (Long)	Ngữ Văn (Quân)	Toán (Mạnh)
	4										
	5										
Thứ 7	1	TỰ HỌC									
	2										
	3										
	4										
	5										